



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Xét nội dung Công văn số 2732/STC-GCS ngày 13/10/2017 của Sở Tài chính, đề nghị của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng tại Tờ trình số 549/TTr-MTĐT ngày 03/10/2017, Tờ trình số 273/TTr-MTĐT ngày 26/5/2017 và ý kiến của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo văn bản tại Công văn số 3273/STP-XDKTVB ngày 03/11/2017; trên cơ sở kết luận của UBND thành phố tại phiên họp thường kỳ ngày 26/10/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến dịch vụ. *Ban*

Điều 3. Mức giá dịch vụ tối đa

Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Mức giá dịch vụ đã bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, lợi nhuận dự kiến và thuế giá trị gia tăng 10% theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Các tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm quy định giá cụ thể đối với các dịch vụ nêu tại Điều 3 Quyết định này, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến thống nhất và gửi Sở Tài chính để theo dõi, quản lý; công khai thông tin và niêm yết giá theo quy định; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, sử dụng hóa đơn, chứng từ theo quy định; thực hiện chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Cục Thuế thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm hướng dẫn cho các tổ chức cung cấp dịch vụ nêu trên sử dụng chế độ hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

3. Sở Tài chính hướng dẫn các tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện niêm yết giá theo đúng quy định; kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và chế độ kế toán, tài chính phù hợp với loại hình hoạt động của đơn vị.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và xử lý vi phạm theo lĩnh vực chuyên ngành quản lý.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01/01/2018 và bãi bỏ Khoản 5, Điều 1 Quyết định số 9150/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL - BTP;
- Các bộ: TC, TN&MT;
- TT TU, TT HĐND, VP Đoàn ĐBQH TPĐN;
- UBMTTQVN TPĐN và các đoàn thể;
- CT, các PCT UBND TPĐN;
- Các sở: TC, TN&MT;
- VP UBND TPĐN: QLĐTh, KT;
- Cty CP Môi trường đô thị Đà Nẵng;
- Lưu: VT, STC.

95

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Miên

Phụ lục

MỨC GIÁ TỐI ĐA ĐỐI VỚI DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm Quyết định số 33 /2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Đối tượng áp dụng	ĐVT	Mức giá (đồng)
1	Hộ gia đình		
1.1	Hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh		
1.1.1	Nhà tập thể, chung cư, nhà trọ	hộ/tháng	15.000
1.1.2	Kiệt, hẻm	hộ/tháng	25.000
1.1.3	Mặt tiền đường phố	hộ/tháng	30.000
1.2	Hộ gia đình có sản xuất, kinh doanh tại nơi ở có khối lượng rác thải không quá 01m³/tháng		
1.2.1	Kiệt, hẻm		
1.2.1.1	Nhóm 1: VLXD; ăn uống, rau quả; lương thực, thực phẩm; điện máy; sửa chữa ô tô, xe máy; nhà nghỉ.	hộ/tháng	50.000
1.2.1.2	Nhóm 2: May mặc, chim cá cảnh, vàng bạc, đá quý; rửa ô tô, xe máy; tạp hóa và các ngành nghề khác	hộ/tháng	45.000
1.2.2	Mặt tiền đường phố		
1.2.2.1	Nhóm 1: VLXD; ăn uống, rau quả; lương thực, thực phẩm; điện máy; sửa chữa ô tô, xe máy; nhà nghỉ.	hộ/tháng	100.000
1.2.2.2	Nhóm 2: May mặc, chim cá cảnh, vàng bạc, đá quý; rửa ô tô, xe máy; tạp hóa và các ngành nghề khác	hộ/tháng	80.000
2	Cơ sở giáo dục; công sở, trụ sở làm việc; cơ sở của lực lượng vũ trang; khu nhà ở có đơn vị quản lý;...		
2.1	Lượng rác thải dưới 1m ³ /tháng	cơ sở/tháng	165.000
2.2	Lượng rác thải từ 1m ³ /tháng trở lên	m ³	205.000
3	Cơ sở y tế; cơ sở sản xuất, kinh doanh; khách sạn, nhà hàng; nhà ga, bến tàu, chợ,... (trừ các đối tượng quy định tại Mục 1.2)	m ³	265.000

* Mức giá dịch vụ đã bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, lợi nhuận dự kiến và thuế giá trị gia tăng 10% theo quy định. Thành phần công tác của dịch vụ bao gồm các công việc: thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt.